TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ-TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **257** /2022/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Mai Văn N, sinh năm 1985 và bà Lê Thị T, sinh năm 1989. Cùng trú tại: tổ 79, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường NHĐ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Mâu thuẫn của vợ chồng đã thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm, không hòa hợp, hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T xác định có 01con chung là Mai Diệu Thảo N, sinh ngày 03.10.2013. Hai bên thống nhất thỏa thuận: Bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ông Mai Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi con chung 2.000.000 đồng.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T khai nhận không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) Ông Mai Văn N và Bà Lê Thị T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, (ngày 21.12.2022) không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06 của UBND phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng cấp ngày 22.01.2014 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T khai nhận có 01 con chung là Mai Diệu Thảo N, sinh ngày 03.10.2013. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Mai Diệu Thảo N, sinh ngày 03.10.2013.

Ông Mai Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 12.2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) Ông Mai Văn N và Bà Lê Thị T phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006587 ngày 06.12.2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông Mai Văn N và bà Lê Thị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND p Nại Hiên Đông, Q Sơn Trà, TPĐN;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy